

Bản án số: 03/2024/HSST
Ngày 30/01/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MÔ – TỈNH NINH BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Toan

Bà Trần Thị Mão

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Mô.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 30/01/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mô xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2024/TLST - HS ngày 02 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST - HS ngày 16 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Đinh Thị S, sinh năm 1981 tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Xóm M, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Đinh Trung C** (đã mất) và bà **Vũ Thị T**; chồng: **Tạ Văn H** và 03 con: con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án: không; tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 14/9/2019 bị Công an huyện Y ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 170/QĐ -XPHC, phạt tiền 1.000.000đ về hành vi “Đánh bạc”, ngày 16/9/2019 bị cáo đã chấp hành nộp xong tiền phạt.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/8/2023 đến ngày 22/8/2023. Hiện nay đang chấp hành biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” theo Lệnh số: 01/LCCT - TA ngày 02/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô. Có mặt tại phiên tòa.

2. Lã Hữu T1, sinh năm 1982 tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Xóm B, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Lã Hữu V** và bà **Lã Thị H1**; vợ: **Lã Thị V1** và 03 con: con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án: không; tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/8/2023 đến ngày 22/8/2023. Hiện nay đang chấp hành biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” theo Lệnh số: 02/LCCT - TA ngày 02/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô. Có mặt tại phiên tòa.

3. Tạ Đình C1, sinh năm 1973 tại **xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình**; nơi cư trú: **Xóm N, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình**; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Tạ Đình T2** (đã mất) và bà **Lã Thị M**; vợ: **Dương Thị H2** và 04 con: con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án: không; tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” theo Lệnh số: 03/LCCT - TA ngày 02 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mô. Có mặt.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

- Anh **Phạm Văn T3**, sinh năm 1979; nơi cư trú: **Xóm N, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình**. Vắng mặt.

- Anh **Đình Cao C2**, sinh năm 1972; nơi cư trú: **Xóm D, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì vụ án có nội dung như sau:

Đình Thị S ký hợp đồng bán vé Lô tô, xổ số kiến thiết với **Công ty xổ số kiến thiết tỉnh N**. Lợi dụng vào việc bán xổ số, **Đình Thị S** đã bán số lô, số đề trái phép cho khách để thu lời bất chính. Trong thời gian từ ngày 3/8/2023 đến ngày 12/8/2023, **Đình Thị S** đã thực hiện 5 lần đánh bạc dưới hình thức bán số lô, số đề cho **Lã Hữu T1** và **Tạ Đình C1**.

Đình Thị S thỏa thuận với **Lã Hữu T1** và **Tạ Đình C1**: đề 02 số là số tự nhiên có hai chữ số nếu trùng với 02 số cuối của giải đặc biệt thì trúng thưởng theo tỷ lệ x 80 lần số tiền đã mua; đề 3 số là số tự nhiên có ba chữ số nếu trùng với 03 số cuối của giải đặc biệt thì trúng thưởng theo tỷ lệ x 400 lần số tiền đã mua; đối với số lô, 01 điểm lô tương ứng với 23.000 đồng, nếu trùng với 02 số cuối của 27 giải thưởng thì trúng thưởng 1 điểm lô x 80.000 đồng; lô xiên 3 thì 01 điểm x 40 lần; lô xiên 4 thì 1 điểm x 400 lần. Hành vi của các bị cáo cụ thể như sau:

Lần 1: Hồi 18 giờ 03 phút ngày 03/8/2023, **T1** sử dụng số điện thoại 0968526182 của **T1** nhắn tin đến số 0372451320 của **S** mua số lô 51 là 100 điểm thành tiền là 2.300.000 đồng. Suy đồng ý bán số lô cho Thành nên đã nhắn tin nội dung “ok”. Sau khi có kết quả xổ số miền B mở thưởng ngày 03/8/2023 thì **T1** trúng thưởng số lô 51 -100 điểm là 8.000.000 đồng. **Đình Thị S** nhắn tin lại cho **T1** với nội dung **S** nợ **T1** số tiền 2.750.000 đồng (sau khi trừ đi số tiền **T1** nợ trước đó).

Hồi 17 giờ 52 phút 54 giây, ngày 03/8/2023, **Tạ Đình C1** sử dụng số điện thoại 0367800121 của **C1** nhắn tin đến số điện thoại 0372451320 của **S** mua số lô 57; 05; 00; 40 mỗi số 50 điểm, thành tiền là: 4.600.000 đồng và số lô xiên bốn là các

cặp số: 05; 50; 55; 45 là 50.000 đồng. Tổng số tiền **C1** mua số lô, số lô xiên bốn của **S** là: 4.650.000 đồng. Chiên đã thanh toán tiền cho **S**. Sau khi có kết quả xổ số miền **B** mở thưởng ngày 03/8/2023 thì **C1** trúng thưởng số lô 57 - 50 điểm, thành tiền là 4.000.000 đồng. Suy đã thanh toán tiền trúng thưởng cho **C1**.

Như vậy ngày 3/8/2023: Tổng số tiền **Đinh Thị S** sử dụng đánh bạc là 18.950.000 đồng (Mười tám triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng); **Lã Hữu T1** sử dụng đánh bạc là 10.300.000 đồng (Mười triệu ba trăm nghìn đồng); **Tạ Đình C1** sử dụng đánh bạc: 8.650.000 đồng (Tám triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Lần 2: Vào hồi 18 giờ 11 phút ngày 04/8/2023 **T1** sử dụng số điện thoại 0968526182 của **T1** nhắn tin đến số điện thoại 0372451320 của Suy mua số lô 37 là 50 điểm thành tiền là 1.150.000 đồng và các số đề 41; 42; 81; 82 mỗi số đề với giá 100.000 đồng, thành tiền là 400.000 đồng. Tổng số tiền mà **T1** mua số lô, số đề của **S** là 1.550.000 đồng. Suy đồng ý bán số lô số đề cho **T1** nên đã nhắn tin với nội dung “ok”. Sau khi có kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng ngày 04/8/2023 thì **T1** trúng thưởng số lô 37, tương ứng với 50 điểm với số tiền 4.000.000 đồng. Suy nhắn tin lại cho **T1** với nội dung **S** đang nợ **T1** số tiền 5.200.000 đồng. Trong đó có số tiền **T1** trúng thưởng 4.000.000 đồng và số tiền Suy đang còn nợ **T1** trước đó.

Số tiền **T1, S** sử dụng đánh bạc ngày 04/8/2023 là: 5.550.000 đồng (Năm triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Lần 3: Vào hồi 18 giờ 05 phút ngày 05/8/2023 **T1** sử dụng số điện thoại 0968526182 của **T1** nhắn tin đến số 0372451320 của **S** mua các số lô 52, 92 mỗi số lô là 50 điểm, thành tiền là 2.300.000 đồng. Sau khi có kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng ngày 05/8/2023 thì **T1** trúng thưởng số lô 92 tương ứng với 50 điểm thành tiền là 4.000.000 đồng. Suy nhắn tin cho **T1** với nội dung **S** đang nợ **T1** số tiền 6.900.000 đồng.

Số tiền **T1, S** sử dụng đánh bạc ngày 05/8/2023 là: 6.300.000 đồng (Sáu triệu ba trăm nghìn đồng).

Lần 4: Vào hồi 18 giờ 08 phút ngày 07/8/2023, **T1** sử dụng số điện thoại 0968526182 nhắn tin đến số điện thoại 0372451320 của Suy mua các số đề “09, 90, 18, 81, 27, 72, 36, 63, 45, 54” mỗi số đề là 100.000 đồng, thành tiền là 1.000.000 đồng và các số đề 27, 72 mỗi số đề 100.000 đồng, thành tiền là 200.000 đồng; lô xiên 3 số 02, 49, 65 là 200.000 đồng. Tổng số tiền **T1** mua số đề, lô xiên 3 của **S** là 1.400.000 đồng. Suy đồng ý bán số lô, số đề cho **T1** nên đã nhắn tin “ok”. Sau khi có kết quả xổ số miền **B** mở thưởng ngày 07/8/2023 thì **T1** trúng thưởng số đề 72 với số tiền là 200.000 đồng thành tiền là 16.000.000 đồng. Suy thanh toán tiền trúng thưởng nhắn tin lại cho **T1** với nội dung **S** đang nợ **T1** số tiền 21.000.000 đồng. (gồm tiền trúng số đề ngày 07/8/2023 được 16.000.000 đồng và số tiền **S** đang còn nợ **T1** 6.400.000 đồng và trừ đi số tiền **T1** mua các số đề, số lô xiên ngày 07/8/2023 là 1.400.000 đồng). Đến ngày 08/8/2023 **T1** đến lấy số tiền 10.000.000 đồng của **S** sau đó **S** nhắn tin cho **T1** với nội dung **S** còn nợ **T1** 11.000.000 đồng.

Tổng số tiền **T1** và **S** sử dụng đánh bạc ngày 07/8/2023 là: 17.400.000 đồng (Mười bảy triệu bốn trăm nghìn đồng).

Lần 5: Vào hồi 17 giờ 58 phút, ngày 12/8/2023 **Lã Hữu T1** sử dụng số điện thoại 0968526182 của **T1** nhắn tin đến số điện thoại 0372451320 của Suy mua số lô 36 là 50 điểm, thành tiền là 1.150.000 đồng và số lô 63 là 100 điểm, thành tiền là 2.300.000 đồng; các số đề 36, 38, 63 mỗi số 200.000 đồng, thành tiền là 600.000 đồng và số đề 83 là 100.000 đồng. Tổng số tiền **T1** mua các số lô, số đề của Suy ngày 12/8/2023 là: 4.150.000 đồng (Bốn triệu một trăm năm mươi nghìn đồng). Suy đồng ý bán số lô, số đề cho **T1** nên nhắn tin “ok”. Sau khi đối chiếu với kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng ngày 12/8/2023 thì **T1** không trúng thưởng.

Hồi 17 giờ 56 phút, ngày 12/8/2023, **Tạ Đình C1** sử dụng số điện thoại số 0367800121 của **C1** nhắn tin đến số điện thoại 0372451320 của Suy mua số lô 70; 90 mỗi số là 50 điểm, thành tiền là: 2.300.000 đồng và các số đề 63, 36, 81 mỗi số đề với giá 50.000 đồng, thành tiền 150.000 đồng và số lô xiên ba 77.83.90 với giá 150.000 đồng; số lô 83, 57 mỗi số lô là 50 điểm, thành tiền là 2.300.000 đồng Tổng số tiền Chiên mua các số lô, số đề ngày 12/8/2023 là: 4.900.000 đồng. Suy đồng ý bán số lô, số đề cho **C1** nên nhắn tin “ok”. Sau khi đối chiếu với kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng ngày 12/8/2023 thì **C1** không trúng thưởng.

Tổng số tiền **S** sử dụng đánh bạc ngày 12/8/2023 là: 9.050.000 đồng (chín triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Quá trình điều tra đã thu giữ của **Đinh Thị S** 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, lắp sim số điện thoại 0372.451.320 điện thoại cũ đã qua sử dụng; thu của **Lã Hữu T1** 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F11, lắp sim điện thoại số 0968.526.182, điện thoại cũ đã qua sử dụng; thu của **Tạ Đình C1** 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A02s, lắp sim số điện thoại 0367.800.121 và số 0399.910.537, điện thoại cũ đã qua sử dụng. **T4** số tiền 67.200.000đ (sáu bảy triệu hai trăm nghìn đồng) do các bị cáo tự nguyện giao nộp, gồm **Đinh Thị S** nộp số tiền 31.200.000 đồng (ba mươi một triệu hai trăm nghìn đồng); **Lã Hữu T1** nộp số tiền 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng); **Tạ Đình C1** nộp số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

Tại bản Cáo trạng số 03/CT- VKS ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô đã truy tố bị cáo **Đinh Thị S**; **Lã Hữu T1**; **Tạ Đình C1** đề xét xử về tội: “Đánh bạc” theo khoản 1, khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô giữ quyền công tố tại phiên toà giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng số 03/CT-VKS và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo **Đinh Thị S**; **Lã Hữu T1**; **Tạ Đình C1** phạm tội: “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 - Điều 52; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với **Đinh Thị S**. Áp dụng khoản

1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 - Điều 52; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với **Lã Hữu T1**. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự đối với **Tạ Đình C1**. Điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Đề nghị xử phạt: **Đinh Thị S** từ 24 (hai mươi bốn) tháng đến 30 (ba mươi) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 9 (chín) ngày tạm giữ từ 13/8/2023 đến ngày 22/8/2023 được quy đổi thành 27 (hai bảy) ngày cải tạo không giam giữ.

-Đề nghị xử phạt: **Lã Hữu Thành** từ 21 (hai mươi một) tháng đến 24 (hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 8 (tám) ngày tạm giữ từ 14/8/2023 đến ngày 22/8/2023 được quy đổi thành 24 (hai bốn) ngày cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ từ 5% đến 10% thu nhập của bị cáo **Đinh Thị S**, **Lã Hữu T1** trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung: **Đinh Thị S** từ 15.000.000đ đến 18.000.000đ để sung Ngân sách Nhà nước. **Lã Hữu Thành** từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ để sung Ngân sách Nhà nước.

- Đề nghị xử phạt: **Tạ Đình C1** từ 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) đến 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng).

- Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

+. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 57.250.000 (năm bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

+. Tịch thu hoá giá sung Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động Nokia bên trong lắp sim điện thoại của **Đinh Thị S**; 01 điện thoại di động OPPO F11 bên trong lắp sim điện thoại thu của **Lã Hữu T1**; 01 điện thoại Samsung Galaxy A02s bên trong lắp 2 sim điện thoại thu của **Tạ Đình C1**.

+. Tịch thu tiêu hủy 04 sim điện thoại thu của **Đinh Thị S**, **Lã Hữu T1** và **Tạ Đình C1**.

(Chi tiết như biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/01/2024 và ủy nhiệm chỉ ngày 08/01/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an huyện Y** với Chi Cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô).

Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo **Đinh Thị S**, **Lã Hữu T1**, **Tạ Đình C1** phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo **Đinh Thị S**, **Lã Hữu T1**, **Tạ Đình C1** đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo thừa nhận đã sử dụng điện thoại để nhắn tin mua bán số lô, số đề với nhau. Bị cáo **T1** sử dụng số điện thoại 0968526182 và **C1** sử dụng số điện thoại 0399910537 để nhắn tin cho

Đinh Thị S qua số điện thoại 0372457320 để mua bán số lô số đề. Khi **T1**, **C1** nhắn tin đến số điện thoại của **S** để mua số lô, số đề, **S** đồng ý bán số lô, số đề cho **T1**, cho **C1** thì **S** nhắn tin có nội dung “ok”, các bị cáo đã thoả thuận lấy kết quả xổ số kiến thiết miền **B** mở thưởng trong ngày để đo kết quả và thanh toán vào ngày hôm sau. Cụ thể:

Ngày 3/8/2023 **Đinh Thị S1** đã bán cho **T1** 2.300.000đ tiền số lô, **T1** trúng số lô 51 - 100 điểm, được thắng số tiền 8.000.000đ. và bán cho **Tạ Đình C1** số lô tổng số tiền là 4.650.000đ, **C1** trúng số lô 57 – 50 điểm, thắng số tiền 4.000.000đ. Tổng số tiền **Đinh Thị S** sử dụng đánh bạc trong ngày 3/8/2023 là 18.950.000đ; **Lã Hữu T1** sử dụng số tiền đánh bạc là 10.300.000đ; **Tạ Đình C1** sử dụng số tiền đánh bạc là 8.650.000đ.

Ngày 4/8/2023 **Đinh Thị S1** bán cho **Lã Hữu T1** số lô và số đề với số tiền là 1.550.000đ, **T1** đã trúng số lô 37 – 50 điểm thắng số tiền 4.000.000đ. Tổng số tiền **S1** và **T1** đánh bạc là 5.550.000đ.

Ngày 5/8/2023 **Đinh Thị S** bán cho **Lã Hữu T1** số lô với số tiền 2.300.000đ, **T1** trúng số lô 92 – 50 điểm, thắng số tiền 4.000.000đ. Tổng số tiền **S** và **T1** đánh bạc là 6.300.000đ.

Ngày 7/8/2023 **Đinh Thị S** bán số lô, số đề cho **Lã Hữu T1** tổng số tiền là 1.400.000đ, **T1** trúng số đề 72 - 200.000đ, thắng số tiền 16.000.000đ. Tổng số tiền **S** và **T1** đánh bạc là 17.400.000đ.

Ngày 12/8/2023 **S** bán số lô, số đề cho **Lã Hữu T1** tổng số tiền là 4.150.000đ và bán số lô, số đề cho **Tạ Đình C1** tổng số tiền là 4.900.000đ. Tổng số tiền đánh bạc của **Đinh Thị S1** trong ngày 12/8/2023 là 9.050.000đ.

Đinh Thị S và **Tạ Đình C1** đã thanh toán cho nhau số tiền mua và tiền trúng số lô, số đề. Đối với **Lã Hữu T1** thì sau khi có kết quả xổ số mở thưởng trong ngày thì **Đinh Thị S** đã nhắn tin cho **T1** thanh toán số tiền mua số lô, số đề và số tiền trúng thưởng và số tiền **S** còn nợ của **T1**; sau khi **S** bị bắt thì giữa **T1** và **S** đã thanh toán hết cho nhau số tiền **S** còn nợ lại **T1**.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình, ân hận về việc làm hứa sẽ không bao giờ vi phạm nữa đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra **Công an huyện Y**, điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân **huyện Y**, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; kết luận giám định và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ kết luận: Trong các ngày 03/8; ngày 04/8, ngày 05/8, ngày 07/8 và 12/8/2023 tại xã K, Đinh Thị S, Lã Hữu T1, Tạ Đình C1 đã có hành vi sử dụng điện thoại để mua bán trái phép số lô, số đề với nhau. Đinh Thị S đã 5 lần thực hiện hành vi bán số lô, số đề cho Lã Hữu T1 và Tạ Đình C1. Lã Hữu T1 đã 4 lần thực hiện hành vi mua số lô số đề với Đinh Thị S; Tạ Đình C1 thực hiện 1 lần mua số lô, số đề với Đinh Thị S. Cụ thể

Ngày 3/8/2023 S bán số lô, số đề trái phép cho T1 với số tiền 2.300.000đ và trả tiền trúng cho T1 8.000.000đ; bán cho C1 số lô số tiền 4.650.000đ và trả tiền trúng cho C1 số tiền 4.000.000đ. Số tiền sử dụng đánh bạc trong ngày 3/8/2023 của Đinh Thị S là 18.950.000đ; Lã Hữu T1 là 10.300.000đ; Tạ Đình C1 là 8.650.000đ.

Ngày 04/8/2023, S bán số lô, số đề trái phép cho T1 với số tiền 1.550.000đ và trả tiền trúng cho T1 4.000.000đ. Tổng số tiền đánh bạc của S và T1 trong lần này là 5.550.000đ.

Ngày 05/8/2023, S bán số lô trái phép cho T1 số tiền 2.300.000đ và trả tiền trúng cho T1 số tiền 4.000.000đ. Tổng số tiền đánh bạc của S và T1 là 6.300.000đ.

Ngày 07/8/2023 S bán số lô, số đề trái phép cho T1 số tiền là: 1.400.000đ và trả tiền trúng cho T1 số tiền 16.000.000đ. Tổng số tiền đánh bạc của S và T1 là 17.400.000đ.

Ngày 12/8/2023, S bán số lô, số đề trái phép cho T1 số tiền là: 4.150.000đ và S bán số lô, số đề trái phép cho C1 số tiền 4.900.000đ. Tổng số tiền đánh bạc của S đánh bạc là 9.050.000đ.

Hành vi của các bị cáo Đinh Thị S, Lã Hữu T1, Tạ Đình C1 là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng, một khách thể được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trị an ở địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân và có thể là một trong những nguyên nhân gây nên nhiều tội phạm khác. Các bị cáo đều là người trưởng thành có đầy đủ năng lực hành vi để nhận thức được việc mua bán số lô số đề trái phép là hành vi bị pháp luật cấm nhưng vẫn thực hiện, hành vi phạm tội của các bị cáo Đinh Thị S, Lã Hữu T1, Tạ Đình C1 đã phạm vào tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 - Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Điều 321. Tội đánh bạc

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy

định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Cáo trạng số 03/CT- VKS ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô đã truy tố bị cáo **Đinh Thị S**; **Lã Hữu T1** và **Tạ Đình C1** với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo **Tạ Đình C1** không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo **Đinh Thị S** 5 lần thực hiện hành vi đánh bạc; **Lã Hữu T1** 4 lần thực hiện hành vi đánh bạc nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội các bị cáo đã tự nguyện nộp toàn bộ số tiền thắng được do mua bán số lô, số đề, gia đình có hoàn cảnh khó khăn nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 - Điều 51 của Bộ luật hình sự. Sau khi phạm tội, ngày 13/8/2023 bị cáo **S** đã có đơn xin đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình với Cơ quan điều tra **Công an tỉnh N** nên bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 – Điều 51. Bị cáo **C1** phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Về nhân thân: Bị cáo **Đinh Thị S** đã bị **Công an huyện Y** xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc vào ngày 14/9/2019. Bị cáo đã chấp hành xong từ ngày 16/9/2019. Theo quy định tại Điều 7 Luật xử lý vi phạm hành chính bị cáo **Đinh Thị S** được xác định không có tiền sự về hành vi đánh bạc.

[4] Về vai trò của các bị cáo: Các bị cáo tham gia vụ án với tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc thống nhất từ trước. Căn cứ vào mức độ thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy:

Đối với **Đinh Thị S** là người giữ vai trò chính trong vụ án, bị cáo trực tiếp 5 lần bán các số lô, số đề cho bị cáo trong vụ án, số tiền bị cáo sử dụng vào đánh bạc nhiều nhất. Đối với **Lã Hữu T1** 4 lần thực hiện hành vi mua số đề và sử dụng số tiền vào đánh bạc nhiều thứ hai nên xác định **Lã Hữu T1** có vai trò thứ hai sau bị cáo **S**. Đối với **Tạ Đình C1** 01 lần thực hiện hành vi mua bán số lô, số đề và sử dụng số tiền vào việc đánh bạc ít nhất nên **Tạ Đình C1** xác định có vai trò cuối trong vụ án.

[5] Về hình phạt: Xét tính chất hành vi phạm tội, vị trí vai trò của từng bị cáo trong vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Các bị cáo **S**, **T1**, **C1** đều phạm tội ít nghiêm trọng, tính chất vụ án không lớn, là nhân dân lao động thuần túy, các bị cáo đều có nhân thân tốt, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú rõ ràng. Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo mà chỉ cần áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự, phạt bị cáo **Đinh Thị S** và bị cáo **Thành hình p** cải tạo không giam giữ và áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền và khấu trừ một phần thu nhập đối với các bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ giáo dục các bị cáo thành người công dân tốt có ích cho xã hội. Do vậy có căn cứ chấp nhận đề nghị của các bị cáo và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Khi quyết định hình phạt bị cáo **S** giữ vai trò đầu trong vụ án nên mức hình phạt cao hơn bị cáo **Lã Hữu T1**.

Đối với bị cáo **Tạ Đình C1** có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này ra chưa vi phạm pháp luật lần nào, số tiền sử dụng đánh bạc ít. Do vậy cần áp dụng Điều 35 Bộ luật hình sự phạt tiền đối với bị cáo cũng có tác dụng giáo dục cải tạo các bị cáo thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[6] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu của **Đinh Thị S** 01 điện thoại di động Nokia bên trong lắp sim; thu của **Lã Hữu T1** 01 điện thoại di động OPPO F11 bên trong lắp sim điện; thu của **Tạ Đình C1** 01 điện thoại **Samsung G A02s** bên trong lắp 2 sim; thu của **Phạm Văn T3** 01 điện thoại **Samsung G A21s** bên trong lắp 2 sim; thu của **Đinh Cao C2** 01 điện thoại Iphon SE bên trong lắp 01 sim. **T4** số tiền 67.200.000đ; trong đó: thu của **Đinh Thị S** 31.250.000đ; của **Lã Hữu T1** 32.000.000đ; của **Tạ Đình C1** 4.000.000đ. Hội đồng xét xử thấy:

- Đối với 03 điện thoại thu của bị cáo **Đinh Thị S**, **Lã Hữu T1**, **Tạ Đình C1** các bị cáo sử dụng để nhắn tin mua bán số lô số đề, đây là công cụ phương tiện phạm tội, do vậy căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự cần tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước. Đối với 4 chiếc sim lắp trong 3 điện thoại thu của các bị cáo **S**, **T1**, **C1** không còn giá trị sử dụng nên căn cứ khoản 1 - Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm c, khoản 2 - Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 57.250.000đ (năm bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) cơ quan điều tra đã thu trong đó thu của **Đinh Thị S** số tiền 21.250.000đ và thu của **Lã Hữu T1** số tiền 32.000.000đ; thu của **Tạ Đình C1** số tiền 4.000.000đ. Đây là số tiền các bị cáo **S**, **T1**, **C1** mua bán số lô số đề và tiền trả tiền trúng số lô số đề vào các ngày 3/8; 4/8; 5/8; 7/8; 12/8 đây là tiền do phạm tội mà có, do vậy cần áp dụng

điểm b khoản 1 Điều 41 BLHS; điểm b, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu sung ngân sách Nhà Nước.

- Đối với 2 điện thoại Cơ quan điều tra đã thu của **Phạm Văn T3**, **Đinh Cao C2** không phải là vật chứng của vụ án, Cơ quan điều tra đã trả lại cho **Phạm văn T5** và **Đinh Cao C2** là phù hợp với pháp luật. Số tiền 9.950.000đ thu của **Đinh Thị S** liên quan đến hành vi vi phạm hành chính, Cơ quan điều tra đã tịch thu theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng pháp luật.

[7] **Đinh Thị S**, **Lã Hữu T1**, **Tạ Đình C1** còn có hành vi đánh bạc bằng hình thức mua bán số lô, số đề trái phép trong các ngày 31/7; ngày 1/8; ngày 2/8; ngày 6/8, ngày 8/8; ngày 9/8 ngày 10/8; ngày 11/8 và ngày 12/8, các lần đánh bạc này đều dưới 5.000.000đ chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên **Công an huyện Y** đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với **Đinh Thị S**, **Lã Hữu T1** và **Tạ Đình C1** là đúng pháp luật.

Anh **Phạm Văn T3** sử dụng điện thoại di động Samsung Galaxy nhắn tin đến điện thoại của **Đinh Thị S** hỏi mua vé lô tô nhà nước nhưng anh **T3** không nhớ ngày nhắn tin mua và đã xóa tin nhắn trên điện thoại. Cơ quan giám định cũng không tìm thấy tin nhắn có nội dung liên quan đến hoạt động đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề trong khoảng thời gian từ ngày 31/7/2023 đến ngày 13/8/2023 lưu trữ trong điện thoại di động của anh **Tuấn** và bị cáo **Đinh Thị S1**. Ngày 13/8/2023 anh **Đinh Cao C2** trực tiếp đi đến bàn bán xổ số của **Đinh Thị S** tại xóm M, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình để mua vé lô tô do **Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên X** phát hành, sau khi bán **S** đã nộp lại cho **Công ty X**. Do vậy, anh **Phạm Văn T3** và anh **Đinh Cao C2** không vi phạm pháp luật.

[8] Án phí hình sự: Do các bị cáo bị kết án nên bị cáo phải nộp số tiền án phí Hình sự sơ thẩm theo qui định.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 - Điều 52; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với **Đinh Thị S**.

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 - Điều 52; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với **Lã Hữu T1**.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 - Điều 51; Điều 35 Bộ luật hình sự đối với **Tạ Đình C1**.

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên bố: Các bị cáo **Đinh Thị S**; **Lã Hữu T1**; **Tạ Đình C1** phạm tội “Đánh bạc”.

- **Xử phạt:** Bị cáo **Đinh Thị S** 30 (ba mươi) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 9 (chín) ngày tạm giữ từ ngày 13/8/2023 đến ngày 22/8/2023 được quy đổi thành 27 (hai bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 29 (hai chín) tháng 3 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự **Công an huyện Y** nhận được quyết định thi hành án.

Khấu trừ 10% thu nhập của bị cáo **Đinh Thị S** trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung: **Đinh Thị S** 18.000.000đ (mười tám triệu đồng) để sung Ngân sách Nhà nước.

- **Xử phạt:** Bị cáo **Lã Hữu T1** 24 (hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 8 (tám) ngày tạm giữ từ ngày 14/8/2023 đến ngày 22/8/2023 được quy đổi thành 24 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo **Lã Hữu T1** còn phải chấp hành 23 (hai mươi ba) tháng 6 (sáu) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự **Công an huyện Y** nhận được quyết định thi hành án.

Khấu trừ 10% thu nhập của bị cáo **Lã Hữu T1** trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung: **Lã Hữu Thành** 18.000.000đ (mười tám triệu đồng) để sung Ngân sách Nhà nước.

- **Xử phạt:** **Tạ Đình C1** 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

3. Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 57.250.000 (năm bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

- Tịch thu hoá giá sung Ngân sách Nhà nước:

+ 01 điện thoại di động Nokia bên trong lắp sim điện thoại của **Đinh Thị S**.

+ 01 điện thoại di động OPPO F11 bên trong lắp sim điện thoại thu của **Lã Hữu T1**.

+ 01 điện thoại Samsung Galasy A02s bên trong lắp 2 sim điện thoại thu của **Tạ Đình C1**.

- Tịch thu tiêu hủy 04 sim điện thoại thu của **Đinh Thị S**, **Lã Hữu T1** và **Tạ Đình C1**.

(Chi tiết như biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/01/2024 và ủy nhiệm chỉ ngày 08/01/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra **Công an huyện Y** với Chi Cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô).

3. Án phí hình sự sơ thẩm:

Các bị cáo **Đinh Thị S**; **Lã Hữu T1**; **Tạ Đình C1** mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình (1)
- VKSND huyện Yên Mô(1)
- VKSND tỉnh Ninh Bình (1)
- Công an huyện Y (2)
- Chi cục THA huyện Y (1)
- Bị cáo(3);
- Người có QLNVLQ (2);
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Thị Hoa